

TÀI LIỆU KỸ THUẬT

TRYPTONE USP

PEPTONE : MÔI TRƯỜNG NUÔI CẤY NHIỀU LOẠI VI SINH VẬT

1 MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Tryptone USP phù hợp cho nhiều mục đích sử dụng trong vi khuẩn học nói chung để chuẩn bị môi trường nuôi cấy. Do nồng độ tryptophan cao, nó được sử dụng để phát hiện sản xuất indole. Thiếu cơ chất carbohydrate lên men, Tryptone USP được thêm vào môi trường được sử dụng để nghiên cứu quá trình lên men đường. Vì khả năng tương thích của nó với các thành phần khác, peptone hoặc các chất chiết xuất, Tryptone USP có trong thành phần của môi trường tăng sinh và định lượng vi khuẩn trong nước, sữa, các sản phẩm thực phẩm khác, dược phẩm và mỹ phẩm. Kết hợp với Papaic Digest Soybean Meal, nó được sử dụng để chuẩn bị các môi trường Tryptone Soy Broth và Tryptone Soy Agar.

2 MÔ TẢ

Tryptone USP thu được bằng phản ứng của các enzyme tiêu hoá ở tuyến tụy với casein chất lượng cao. .

Do độ tinh khiết tương đối ổn định của nguyên liệu được sử dụng, Tryptone USP mang lại kết quả tối ưu và đồng nhất, đặc biệt trong các nghiên cứu về sự trao đổi chất và tăng trưởng của các vi sinh vật khác nhau

Phương pháp chuẩn bị môi trường đã được thiết kế để tối đa hóa việc giảm mức canxi trong thành phẩm. Tryptone USP cũng có thể được sử dụng để chuẩn bị môi trường chứa phosphate được đặc trưng bởi tính chất nhẹ, trong suốt của chúng cũng như không có kết tủa đáng kể sau khi hấp khử trùng.

3 THÀNH PHẦN

Tính chất vật lý :

- Hình thức, màu sắc bột kem
- Độ hòa toàn trong nước ở 5 % hoàn toàn
- pH của dung dịch ở 5% nước $7,0 \pm 0,7$
- Độ ổn định ở pH 7,0 sau khi hấp khử trùng trong 15 phút ở 121°C ổn định

Tính chất hóa học :

- Phản ứng Biuret..... dương tính
- Tổng Nitrogen $12,5 \pm 0,5 \%$
- $\square$ -amino Nitrogen $4,0 \pm 0,1 \%$
- Indole không có
- Nitrites..... không có
- Chloride (expressed as NaCl)..... ít hơn $1,0 \%$
- Calcium..... ít hơn $0,1 \%$
- Sulfuric ash..... ít hơn $17,0 \%$
- Hao hụt khối lượng khi sấy ít hơn $6,0 \%$

Tổng amino acids (tính bằng gram đối với 100 gram môi trường) :

- Aspartic acid	6,9
- Threonine	3,3
- Serine.....	4,1
- Glutamic acid.....	18,5
- Proline	9,0
- Glycine	3,2
- Alanine	3,1
- Valine	6,1
- Cystine.....	không định lượng
- Methionine.....	2,4
- Isoleucine.....	4,9
- Leucine	8,1
-Tyrosine	1,5
- Phenylalanine	4,9
- Lysine.....	7,6
- Histidine.....	2,9
- Arginine	3,2
- Tryptophan.....	1,2

Đặc tính vi sinh vật

- Sinh ra Indole.....dương tính
- Sinh H₂S
- Sinh Acetylmethylcarbinol.....dương tính
- Phát hiện lên men đường âm tính

4 KIỂM SOÁT VI SINH

- Tổng số vi khuẩn mesophiles.....ít hơn 5000 cfu/g
- Bào tử chịu nhiệt trong 1 gam.....không có

5 ĐÓNG GÓI/ BẢO QUẢN/ HẠN SỬ DỤNG

- Chai 500 g..... A1401HA
- Thùng 5 kg.....A1401GC

Bảo quản ở nhiệt độ từ 2 - 30°C, cho đến ngày hết hạn ghi trên nhãn..

6 THÔNG TIN BỔ SUNG

Thông tin được cung cấp trên nhãn được ưu tiên hơn các công thức hoặc hướng dẫn được mô tả trong tài liệu này và có thể sửa đổi bất cứ lúc nào mà không cần cảnh báo..

Mã tài liệu : BACTERIOLOGICAL MEAT
EXTRACT_ENv8
Ngày tạo : 01-2003
Cập nhật : 06-2016
Nguồn gốc sửa đổi : Cập nhật chung